

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 193/2025/DS-PT
Ngày 27-3-2025
V/v Tranh chấp hợp đồng chuyển
nhượng quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thanh Tuyên.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Trung Dũng;

Ông Nguyễn Văn Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Tuyên – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 13, 20 và 27 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 634/2024/TLPT-DS ngày 26 tháng 11 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 107/2024/DS-ST ngày 14 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 577/2024/QĐ-PT, ngày 25 tháng 12 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 23/2025/QĐ-PT ngày 10 tháng 01 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 55/2025/QĐ-PT ngày 20 tháng 01 năm 2025; Thông báo mở lại phiên tòa số 11/2025/QĐ-PT ngày 18 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 165/2025/QĐ-PT ngày 27 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Ngô Quang B, sinh năm 1964; địa chỉ: tổ C, khu phố F, phường V, thành phố T, tỉnh Bình Dương; có mặt.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Thái Thanh H, sinh năm 1979; địa chỉ: tổ B, khu phố A, phường U, thành phố T, tỉnh Bình Dương và ông Lê Thành D, sinh năm 1995; địa chỉ: tổ A, khu phố F, phường U, thành phố T, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 03/3/2023); ông H có mặt, ông D vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Bùi Tấn Đ, Luật sư thuộc Văn phòng L1, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh B; vắng mặt.

- *Bị đơn:* Bà Thượng Thị N, sinh năm 1952 và bà Nguyễn Thị Ngọc H1, sinh năm 1972; cùng địa chỉ: tổ A, khu phố E, phường V, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Phạm Thị Hoài P, sinh năm 1985; địa chỉ: tổ B, khu phố E, phường V, thành phố T, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 09/5/2023); có mặt.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Ngô Quang B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện ngày 03/4/2023, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 20/9/2014, ông B có nhận chuyển nhượng của bà Thượng Thị N và bà Nguyễn Thị Ngọc H1 phần đất tái định cư có diện tích 495m², loại đất ODT thuộc thửa 3237, tờ bản đồ số 16, tại phường V, thành phố T, tỉnh Bình Dương với giá 1.350.000.000 đồng (một tỷ ba trăm năm mươi triệu đồng). Nguồn gốc phần đất nêu trên là do hộ gia đình bà Thượng Thị N được cấp đất hỗ trợ tái định cư - Công trình khu Công nghiệp V, huyện T theo Biên bản số VT1471B BB.CĐ ngày 03/10/2013 và Biên bản số VT1471 BB.CĐ ngày 03/10/2013 của Công ty L2 – Singapore. Việc chuyển nhượng đất nêu trên, ông B và bà N, bà H1 có lập Hợp đồng thỏa thuận chuyển nhượng ngày 20/9/2014.

Thực hiện theo hợp đồng chuyển nhượng nêu trên, ông B đã giao cho bà N và bà H1 số tiền đặt cọc là 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu đồng) ngay khi ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 20/9/2014. Đến ngày 13/10/2014, ông B tiếp tục giao cho bà N, bà H1 số tiền 744.000.000 đồng (bảy trăm bốn mươi bốn triệu đồng), còn lại 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng) khi nào ký hợp đồng chính thức sẽ giao hết số tiền còn lại. Bà N và bà H1 đã lập Biên nhận tiền vào ngày 13/10/2014 với nội dung xác nhận đã nhận đủ của ông B 1.344.000.000 đồng (một tỷ ba trăm bốn mươi bốn triệu đồng), còn lại 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng) khi nào ký hợp đồng chuyển nhượng chính thức thì sẽ thanh toán hết. Nhưng đến ngày 09/12/2014, bà N, bà H1 yêu cầu và ông B giao thêm 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng) còn lại cho bà N, bà H1. Tổng số tiền ông B đã thanh toán cho bà N, bà H1 để nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất có diện tích 495m² thuộc thửa 3237, tờ bản đồ 16 tại phường V, thành phố T, tỉnh Bình Dương là 1.350.000.000 đồng (một tỷ ba trăm năm mươi triệu đồng).

Từ khi ông B thanh toán đủ số tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất, bà N đã bàn giao phần đất nêu trên cho ông B quản lý, sử dụng cho đến nay. Bà N tiến hành làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất nêu trên, ông B chờ đến khi nào bà N được cấp Giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất thì sẽ tiến hành ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất chính thức để sang tên cho ông B.

Ngày 19/4/2019, ông B được biết phần đất nêu trên của bà N đã bị Chi cục Thi hành án dân sự thị xã (nay là thành phố) Tân Uyên ngăn chặn làm giấy chứng nhận và chuyển dịch tài sản. Bà N, bà H1 có trình bày sự việc với ông B và đề nghị ông B trả nợ thay cho bà N số tiền nêu trên để bà N tiếp tục làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhằm sang tên quyền sử dụng đất cho ông B. Do vậy, ông B đã trả nợ thay cho bà N số tiền 827.605.000 đồng (tám trăm hai mươi bảy triệu sáu trăm lẻ năm nghìn đồng), số tiền này là ông B cho bà N vay thể hiện tại Biên lai thu tiền thi hành án số AB/2013/01153 ngày 19/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã (nay là thành phố) Tân Uyên. Sau khi ông B trả nợ thay cho bà N số tiền nêu trên, cùng ngày bà N và bà H1 đã lập Bản cam kết về việc vẫn tiếp tục chuyển nhượng quyền sử dụng phần đất nêu trên cho ông B.

Hiện nay, hộ bà N đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất diện tích 495m² thuộc thửa đất số 3237, tờ bản đồ 16 tại phường V, thành phố T, tỉnh Bình Dương, thể hiện tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH24078 do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) Tân Uyên cấp ngày 17/01/2023. Ngày 30/3/2023, bà Thượng Thị N, bà Nguyễn Thị Ngọc H1 và ông B đã ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với phần đất nêu trên, được Văn phòng C1, quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD cùng ngày 30/3/2023. Tuy nhiên, do Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên ban hành Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 978/QĐ-CCTHADS ngày 28/3/2023, phong tỏa phần quyền sử dụng đất của bà Thượng Thị N trong khối tài sản chung của hộ gia đình nêu trên nên ông B không làm thủ tục sang tên phần đất nêu trên được. Ông B có yêu cầu bà N trả nợ cho ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị G để hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời nêu trên, tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với ông B để ông B làm thủ tục hành chính sang tên phần đất nêu trên. Bà N và bà H1 không đồng ý trả nợ cho ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị G, cũng không đồng ý tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã ký ngày 20/9/2014 với ông B nên giữa hai bên phát sinh tranh chấp, quyền và lợi ích hợp pháp của ông B bị xâm phạm. Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện bà Thượng Thị N và bà Nguyễn Thị Ngọc H1, yêu cầu giải quyết những vấn đề sau: Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 20/9/2014 giữa ông B và bà Thượng Thị N, Nguyễn Thị Ngọc H1 đối với phần đất có diện tích 495m² thuộc thửa 3237, tờ bản đồ 16, tọa lạc phường V, thành phố T, tỉnh Bình Dương có hiệu lực pháp luật; công nhận ông Ngô Quang B là người có quyền sử dụng đất đối với phần đất ông B nhận chuyển nhượng có diện tích 495m² thuộc thửa 3237, tờ bản đồ 16 tại phường V, thành phố T, tỉnh Bình Dương; kiến nghị Ủy ban nhân dân thành phố T thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DG 804703, số vào sổ CH24078 do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) Tân Uyên cấp cho bà Thượng Thị N ngày 17/01/2023 để ông B được kê khai, đăng ký xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất trên.

2. Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của bị đơn bà Phạm Thị Hoài P trình bày:

Bị đơn bà H1 và bà N thống nhất với trình bày của nguyên đơn ông Ngô Quang B về việc ngày 20/9/2014, ông B có nhận chuyển nhượng của bà Thượng Thị N và bà Nguyễn Thị Ngọc H1 phần đất tái định cư có diện tích 495m², loại đất ODT, thuộc thửa 3237, tờ bản đồ số 16, tại phường V, thành phố T, tỉnh Bình Dương với giá 1.350.000.000 đồng (một tỷ ba trăm năm mươi triệu đồng). Bị đơn đã nhận đủ tiền nhận chuyển nhượng của ông B. Thống nhất về việc ngày 30/3/2023, bà Thượng Thị N, bà Nguyễn Thị Ngọc H1 và ông B đã ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với phần đất nêu trên, được Văn phòng C1, quyển số 01 TP/CC-SCC/HĐGD cùng ngày 30/3/2023 nhưng do Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên ban hành Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 978/QĐ-CCTHADS ngày 28/3/2023 nên ông B không thực hiện được thủ tục sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bị đơn đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng không đồng ý số tiền 827.605.000 đồng (tám trăm hai mươi bảy triệu sáu trăm lẻ năm nghìn đồng) là tiền bị đơn vay của nguyên đơn để trả nợ tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tân Uyên mà đây là tiền chuyển nhượng thửa đất nêu trên.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 107/2024/DS-ST ngày 14 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Ngô Quang B với bị đơn bà Thượng Thị N và bà Nguyễn Thị Ngọc H1 về việc “Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất”.

- Tuyên “Hợp đồng thỏa thuận chuyển nhượng phiếu cấp đất định cư công trình CN&ĐT Tân Uyên ngày 20/9/2014” giữa bà Thượng Thị N và ông Ngô Quang B và Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại Văn phòng C2 theo số công chứng 0728, quyển số 01/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 30/3/2024 là vô hiệu.

- Buộc bà Thượng Thị N và bà Nguyễn Thị Ngọc H1 phải hoàn trả lại số tiền 1.350.000.000 đồng (một tỷ ba trăm năm mươi triệu đồng) và bồi thường số tiền 1.800.000.000 đồng (một tỷ tám trăm triệu đồng) cho ông Ngô Quang B.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành án thì còn phải trả tiền lãi, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, về án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi có bản án sơ thẩm, ngày 20/8/2024 nguyên đơn ông Nguyễn Quang B1 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện nguyên đơn thay đổi yêu cầu kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm với lý do Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vượt quá yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không đưa vợ nguyên đơn ông Ngô Quang B là bà Phạm Thị Kim L và Văn phòng Công chứng Võ Văn N1 vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu quan điểm: Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Nhận thấy, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử là phù hợp, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, các đương sự thống nhất thừa nhận: Ngày 20/9/2014, ông Ngô Quang B và bà Thượng Thị N lập Hợp đồng thỏa thuận chuyển nhượng phiếu cấp đất định cư công trình Công nghiệp và Đô thị T1, theo đó hai bên thỏa thuận bà N chuyển nhượng cho ông B phần đất diện tích 495m² với giá chuyển nhượng 1.350.000.000 đồng. Ông B đã thanh toán cho bà N, bà H1 số tiền 1.350.000.000 đồng. Như vậy, sự thừa nhận của đương sự về thời gian ký hợp đồng, nội dung hợp đồng, số tiền đã giao nhận của các bên thuộc tình tiết sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn ông Ngô Quang B khởi kiện yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 20/9/2014 giữa bà N và ông B và công nhận quyền sử dụng đất nêu trên cho ông. Xét thấy, phần đất các bên thỏa thuận chuyển nhượng là diện tích 495m², không thể hiện thửa đất, tờ bản đồ và vị trí thửa đất do là đất nhận nền tái định cư theo Biên bản số VT1471B BB.CĐ ngày 03/10/2013 và Biên bản số VT1471 BB.CĐ ngày 03/10/2013 của Công ty L2 - Singapore. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, bị đơn đều thống nhất hai bên có thỏa thuận chuyển nhượng diện tích đất nêu trên theo Văn bản thỏa thuận ngày 20/9/2014 và Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 30/3/2024, đồng thời đề nghị công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc công nhận hợp đồng chuyển nhượng ngày 20/9/2014. Tuy nhiên, xét thấy ngày 28/3/2024, Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên đã ban hành Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 978/QĐ-CCTHADS ngày 28/3/2023, phong tỏa phần quyền sử dụng đất của bà Thượng Thị N trong khối tài sản chung của hộ gia đình trong vụ án “Tranh chấp hợp đồng mượn tài sản” giữa nguyên đơn ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị G với bị đơn bà Thượng Thị N, bà

Nguyễn Thị Ngọc H1. Vụ án xét xử ngày 01/7/2024 và được tiếp tục duy trì hiệu lực của Quyết định áp dụng khẩn cấp tạm thời số 978/QĐ-CCTHADS ngày 28/3/2023 để đảm bảo thi hành án theo nội dung phần quyết định tại Bản án dân sự sơ thẩm số 74/2024/DS-ST ngày 01/7/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên.

[3] Nhận thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã có những vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng như sau:

[3.1] Ông B và bà Liên kết H2 vào năm 1985 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 199/95, quyền số 02 do Ủy ban nhân dân thị trấn (nay là phường) Lái Thiêu, huyện (nay là thành phố) T, tỉnh Sông Bé (nay là tỉnh Bình Dương) cấp ngày 05/8/1995. Ông B xác định số tiền 1.350.000.000 đồng (một tỷ ba trăm năm mươi triệu đồng) mà ông B trả cho bà N, bà H1 để nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ bà N và bà H1 là tài sản chung của vợ chồng, diện tích đất đang tranh chấp cũng do vợ chồng ông B đang quản lý, sử dụng từ năm 2014 cho đến nay. Thế nhưng, Tòa án cấp sơ thẩm đã không xác minh, làm rõ các tình tiết của vụ án để đưa bà Phạm Thị Kim L là vợ ông B vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là thiếu sót, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của vợ ông B là bà Phạm Thị Kim L.

[3.2] Tòa án cấp sơ thẩm tuyên “Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được lập tại Văn phòng C2 theo số công chứng 0728, quyền số 01/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 30/3/2024 là đã ký giữa ông B với bà N và bà H1 là vô hiệu” và giải quyết hậu quả của giao dịch dân sự vô hiệu nhưng không đưa Văn phòng Công chứng Võ Văn N1 vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Tòa án cấp sơ thẩm chưa xác minh, thu thập đầy đủ chứng cứ để làm rõ trình tự, thủ tục cũng như các giấy tờ mà Văn phòng Công chứng Võ Văn N1 đã tiếp nhận tại thời điểm công chứng (cụ thể có tiếp nhận Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2023/QĐ-BPKCTT ngày 28/3/2023 của Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố T) và Quyết định thi hành án chủ động số 978/QĐ-CCTHADS ngày 28/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân Uyên hay không) trước khi chứng nhận Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên, làm mất quyền và nghĩa vụ tố tụng của Văn phòng C2, ảnh hưởng đến trách nhiệm bồi thường thiệt hại của Văn phòng C2 sau này nếu có đương sự có đơn yêu cầu do văn bản công chứng nêu trên bị Tòa án tuyên vô hiệu.

[3.3] Ngoài ra, ngày 19/4/2019, ông B được biết phần đất nêu trên của bà N đã bị Chi cục Thi hành án dân sự thị xã (nay là thành phố) Tân Uyên ngăn chặn ông B làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và chuyển dịch tài sản. Bà N, bà H1 có trình bày sự việc với ông B và đề nghị ông B trả nợ thay cho bà N số tiền 827.605.000 đồng để bà N trả ông ông Hoàng Mộng C theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 08/2018/QĐST-DS ngày 07/5/2018 (bút lục số 163) rồi bà N mới có thể tiếp tục làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để sang tên quyền sử dụng đất cho ông B. Ông B đã trả nợ thay cho bà N số tiền 827.605.000 đồng (tám trăm hai mươi

bảy triệu sáu trăm lẻ năm nghìn đồng) thể hiện tại Biên lai thu tiền thi hành án số AB/2013/01153 ngày 19/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã (nay là thành phố) Tân Uyên. Sau khi ông B trả nợ thay cho bà N số tiền nêu trên, cùng ngày bà N và bà H1 đã lập Bản cam kết về việc vẫn tiếp tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất phần đất nêu trên cho ông B. Tuy nhiên, ngày 28/3/2023 Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tân Uyên đã ban hành Quyết định thi hành án chủ động số 978/QĐ-CCTHADS để thi hành Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2023/QĐ-BPKCTT ngày 28/3/2023 của Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố T) trong vụ án “Tranh chấp hợp đồng mượn tài sản” giữa nguyên đơn ông Nguyễn Văn T với bị đơn bà Thượng Thị N và bà Nguyễn Thị Ngọc H1 nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không đưa Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là thiêu sót, vi phạm khoản 4 Điều 68, Điều 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Từ những phân tích trên, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng mà cấp phúc thẩm không thể khắc phục được nên có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, hủy bản án dân sự sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên thụ lý, giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[4] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương là chưa phù hợp.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do hủy án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 148, khoản 3 Điều 308, Điều 310 và Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Ngô Quang B.

Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 107/2024/DS-ST ngày 14/8/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên thụ lý, giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn trả cho ông Ngô Quang B số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0000451 ngày 27/8/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thành phố Tân Uyên;
- TAND thành phố Tân Uyên;
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, HSVA, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Thanh Tuyền